

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM NGHĨA CHÚ SỚ

QUYỂN 7

Tha lực lia ma: Đây là chướng nặng, giúp cho năng lực của chú.
Văn có hai:

1. Thuật ý nói lược, có bốn:

1. Tổng kết văn trước.

Nầy A-nan! Ông hỏi nhiếp tâm, nay trước tiên ta nói nhập Tam-ma-địa tu học diệu môn, cầu đạo Bồ-đề, trước phải giữ bốn thứ luật nghi, sáng suốt như giọt sương, tự không thể sinh tất cả cành lá, ý ba, miệng bốn, sinh khởi chắc chắn không có nhân. Nầy A-nan! Bốn việc như thế, nếu không để mất, thì tâm không còn duyên theo sắc, hương, vị, xúc thì tất cả việc ma làm sao phát sinh được. Giới là gốc chánh thuận giải thoát, nương vào giới này sẽ có được định tuệ, cho nên biết Tam-muội, giới là đầu tiên. Trọng cấm này tuy y theo thân miệng, mỗi thứ đều phải sửa tâm, đã tương ứng với định tuệ thì sắc, hương, vị, xúc đều là thật tướng, đâu có việc ma khuấy rối hành giả.

2. Khuyển tụng thân chú:

Nếu có thói quen đời trước không thể dứt trừ, ông dạy người này nhất tâm tụng Phật đảnh quang minh Ma-ha-tát đất-đa-bát-đát-la vô thượng thân chú của ta, đây là tâm chú đảnh tướng vô Kiến của Như-lai, vô vi tâm Phật từ trên đảnh phát ra ánh sáng, ngồi trên hoa sen báu nói ra ở trước tuy nói rộng trì giới thanh tịnh sáng suốt như giọt sương, đã không tạo mới, cũng là việc ma. Nhưng có thói quen cấu chướng trần sa từ vô thủy, như bóng theo thân, làm ngăn ngại đạo. Đối với người tu hành làm chướng ngại mọi lúc. Hoặc thường bệnh, thường nã, nặng về dâm sân. Hoặc gặp thầy tà, hoặc gặp bọn ma, các nạn đua nhau sinh khởi. Đây đều là nhân bất thiện từ vô thủy, hạt giống nghiệp tư duy tà đời trước huân tập hiện hành, thường là kẻ thù của chánh đạo.

Phàm phu mới học, đạo lực còn yếu kém, không thể sắp bày. Cho nên Phật có thân chú nhiệm mầu, có công năng dứt trừ thói quen ác đời trước làm cho không phiền nhiễu, đạo lực mau thành, không gặp lui sụt,

trước nói định tuệ, phá chướng phiền não, lại nói về giới học, chỉ dứt tội nghiệp. Nay nói thần chú, có công năng phá bỏ ương lụy đời trước, trừ cả báo chướng, nếu ba chướng mất, không chướng thì còn đợi gì.

3. Chỉ bày công hiệu:

Lại ông đời trước nhiều kiếp có nhân duyên thói quen ân ái với Ma-đăng-già, chẳng phải là một đời, một kiếp. Ta vừa giảng nói, thì tâm ái dứt hẳn, thành A-la-hán. Kia còn là dâm nữ không có tâm tu hành, nhờ thần lực thâm hợp mà mau chứng Vô Học, vì sao các thầy là Thịnh Văn ở trong hội cầu thừa Vô thượng, chắc chắn thành Phật mà không được hay sao?

Thí như tung bụi thuận gió đâu có gì khó khăn. Ma-đăng-già kiếp trước có thói quen dâm dục, nay được lìa dục. Đây là dứt nghiệp phiền não chướng, hiện là dâm nữ, nay được Vô học, là chuyển báo chướng, không có tâm tu hành, gặp thần chú này còn được quả Thánh, hướng chỉ là chí cầu giác đạo vô thượng, quyết định tu hành, chú lực gia trì, có gì khó khăn mà không được ư?

4. Lược bày cách thức giữ giới, có hai:

a) Chỉ bày hành nghi:

Nếu có chúng sinh đời Mạt pháp muốn ngồi đạo tràng, trước phải giữ giới cấm của Tỳ-kheo cho thanh tịnh, phải chọn một vị sa-môn giữ giới thanh tịnh bậc nhất làm thầy. Nếu không gặp vị tăng thanh tịnh chân chánh thì giới luật nghi của ông chắc chắn không thành tựu. Khi giới thành rồi đắp y mới giặt sạch, đốt hương chốn nhàn cư, tụng thần chú tâm Phật đã nói này một trăm lễ tám biến. Sau đó kết giới, xây dựng đạo tràng, cầu các Đức Như-lai vô thượng hiện trụ ở các cõi nước mười phương phát ra ánh sáng Đại bi đến rớt trên đỉnh. Giữ giới không hoàn toàn, năm duyên liền thiếu. Hướng chi làm phép tắc của vị thầy xoay vần truyền trao cho người. Giới mình không thanh tịnh thì làm sao giúp cho giới người khác thành tựu, vì thế phải chọn người thanh tịnh bậc nhất chân chánh truyền giới. Cho nên kinh Phạm Võng nói: Trong ngàn dặm không có giới sư truyền trao thì mới ở trước Phật tự thệ thọ giới. Trước sám hối bảy tội nghịch, sau cầu giới pháp. Nếu thấy điềm lành thì biết tội diệt đặc giới. Không thấy điềm lành thì không được. Giới đã thành tựu, nhàn cư chỗ yên tĩnh, đốt hương tụng chú, đủ số một trăm lễ tám biến, để nói lên dứt trừ một trăm lễ tám phiền não. Giới ở bên trong, tụng chú bên ngoài, loài ma quỷ không phát sinh. Sợ chướng ngại đạo tràng, cho nên trước phải cầu ánh sáng Phật hiện trụ chiếu sáng che chở, tâm được mạnh mẽ, tiến đạo nhanh chóng.

b) Nói về cảm ứng.

Nầy A-nan! Tỳ-kheo thanh tịnh thời Mạt pháp như thế, hoặc Tỳ-kheo-ni, tại gia đàn việt, tâm diệt tham lam, dâm dục, trì định giới của Phật, ở trong đạo tràng phát nguyện Bồ-đề, ra vào tắm gội, sáu thời hành đạo. Như vậy không ngủ, trải qua hai mươi một ngày, ta tự hiện thân, đến trước người, xoa đánh an ủi, giúo họ khai ngộ, đạo tràng thứ lớp, nghi quỹ chu toàn. Như trong Khuê Phong Sơn Viên Giác Tu Chứng Nghi có nói, tụng chú gia trì, phát nguyện được thấy Phật. Phật hiện thân chính là cảm ứng. Nếu thấy cảnh khác, trái với sự tu tập của mình, việc trái với nguyện, chính là cảnh ma, chẳng phải cảm ứng chân chánh. Lại thấy cảm ứng chân chánh, tâm được khai ngộ, phiền não mỏng dần, trí tuệ sáng suốt. Hoặc nhờ thấy Phật, ngu si rõ ràng, bỗng nhiên phiền não nặng nề, đây đều là cảnh ma, chẳng phải Phật chân thật.

Thưa hỏi đáp rộng, có hai.

1. Nói về đàn pháp, có hai.
2. Thưa hỏi.

A-nan Bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! con nương vào lòng từ bi vô thượng của Như-lai dạy dỗ, tâm đã khai ngộ, tự biết tu chứng thành đạo Vô học. Thời Mạt pháp tu hành, xây dựng đạo tràng làm sao kết giới để hợp với phép tắc thanh tịnh của Phật Thế tôn, con sống vào thời có Phật, mong Phật đích thân thị hiện giúp con khai ngộ, đã biết tu chứng sẽ đến Vô học. Người học thời Mạt pháp phải gia công tu hành, xây dựng đạo tràng, có phương pháp nào chỉ bảo khuôn phép ấy. Hai là đáp giải thích, có hai:

Chỉ dạy phương pháp kết đàn, có hai.

1. Kích thức móng của đàn tràng

Phật bảo A-nan: Nếu người thời Mạt pháp muốn lập đạo tràng thì trước lấy phân của con trâu trắng có sức mạnh ở núi Tuyết, trâu này ăn cỏ thơm xanh non trong núi ấy. Trâu này chỉ uống nước trên núi Tuyết. Phân của nó rất mịn, có thể hoà phân ấy với chiêm đàn và bùn đất. Nếu không phải núi Tuyết thì trâu ấy hôi như, không bôi đất được, chỉ ở chỗ đồng bằng, thường đào đất năm thước, lấy đất vàng ấy, hoà với chiêm-đàn, trầm thủy, tô hợp huân lục, uất kim, bạch lục, thanh mộc, linh lăng, cam tùng và kê thiệt hương. Tán mười loại này thành bột, trộn với đất thành bùn, rồi bôi lên, mỗi cạnh vuông tròn một trượng sáu thành đàn tám góc. Trâu ở núi Tuyết sữa thuần là đề hồ, tất cả mềm mại, rất là thơm sạch. Chỉ hòa một vị chiêm-đàn có thể trộn với đất. Nếu không thế thì lấy đất chỗ trũng hoà hợp với mười vị hương khác bôi lên vách, đàn

tám góc, mỗi cạnh đúng lượng, trừ đất là đó, vẫn không có cấp số, tức nay là nơi cúng tế. Đàn tuy có tám góc, trên dưới là mười, để hợp với số tròn. Văn ở dưới nói có gương treo, đối nhau trên dưới xen lẫn, ánh sáng trong mỗi gương đều hiện các Đức Phật mười phương, để biểu hiện một thân là mười thân, mười thân là một thân, nhiều lớp vô tận cùng hiển hiện, dung thọ lẫn nhau, tức biểu thị cho tướng chứng cảnh giới tạng tâm không thể suy nghĩ bàn luận.

2. Văn dưới nói Chư Phật mười phương cùng một lúc đều hiện, ánh sáng xen lẫn nhau, chính là tướng này.

Cách thức cúng dường, có hai:

1. Bày vật cúng dường, có hai

a) Vật cúng trong thời gian dài.

Ở giữa đàn đặt một hoa sen bằng vàng, bạc, đồng, gỗ. Trong hoa có đặt cái bát, trong bát chứa đầy nước sương bát nguyệt, trong nước chỗ nào cũng đặt tất cả cánh hoa, đặt tám cái kính tròn thành hình vòng vây quanh cái bát hoa, bên ngoài gương đặt mười tám hoa sen, giữa mười tám lư hương chưng hoa, trang nghiêm lư hương, đốt toàn trầm thủy, không để cho thấy lửa, đổ sữa trâu trắng vào mười sáu bình, sữa để nấu bánh. Đồng thời dùng đường cát, dầu, bánh, dầu, cháo sữa, bơ hòa với mật gừng, thuần bơ, thuần mật, bỏ ngoài hoa sen, mỗi thứ có mười sáu bình vây quanh ngoài hoa sen, để dâng lên Chư Phật và Bồ-tát. Chư Phật và Bồ-tát không ăn thức ăn này, vì làm cho phước thêm lớn mà thị hiện ăn nó, giúp cho người tu hành phước tuệ đầy đủ, mau được tràn đầy. Như Phật nhận thức ăn của Thuần-đà cúng dường lần sau cùng, giúp cho ông ấy đầy đủ đàn Ba-la-mật, ở đây cũng thế, cho nên phải cúng dường.

b) Tùy thời cúng Phật:

Khi lấy thức ăn, hoặc giữa đêm lấy nửa thặng mật, dùng sữa ba hộp để trước đàn, để riêng một lư lửa nhỏ, dùng hương đầu-lâu-bà nấu, dùng nước thơm tắm gội, tro của nó đốt làm cho hừng hực bỏ vào trong sữa mật, để trong lư lửa, đốt cho khói hết, dâng lên Phật và Bồ-tát.

2. Bày tượng:

Bên ngoài bốn phía treo phướn hoa, ở trong đàn thất bốn vách bày ra tất cả hình tượng của Như-lai và các Bồ-tát mười phương, nên trưng bày hình tượng Lô-xá-na, Thích ca, Di-lặc, A-di-đà và Quán Âm đại biến hóa, gồm Kim Cương Tạng, đặt ở hai bên. Đế-thích Phạm Vương, Ô-xu-sắt-ma và Lam-địa-ca, Các quân-trà-lợi, Tỳ-ni-câu-chi, bốn vị vua trời, Tân-na-dạ-ca, đặt bên cạnh cửa, hai bên. Lại dùng tám

gương úp lại treo trên hư không và trong đàn tràng có đặt cái gương. Mặt vuông đối nhau làm cho hình ảnh nhiều lớp liền nhau, treo phướn bày tượng làm cho bóng hiện trong gương, muốn làm cho hành nhân quen với cảnh giới này thì lý “sự sự vô ngại pháp giới” dễ chứng được. Bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu, trong một niệm đi khắp mười phương, thấy khắp Chư Phật, làm nhiều Phật sự, được cúng dường rộng, một niệm đã vậy, trần trần cũng đều như vậy.

Nói về nghi thức tụng chú, có hai:

1) Nói về tu hành, có ba:

a) Tu trợ hạnh:

Trong bảy ngày, đánh lễ các Đức Như-lai, Chư Bồ-tát, A-la-hán mười phương; thường trong sáu thời tụng chú nhiều quanh đàn tràng, dốc lòng hành đạo, trong một thời thường thực hành một trăm lễ tám biến. Trong thất thứ hai hoàn toàn chuyên tâm, phát nguyện Bồ-đề, tâm không xen hở.

b) Trong tỳ-nại-da của ta trước có nguyện giáo.

Trong thất thứ ba có hai mươi thời một bề trì chú bát-đát-la của Phật, đến thất thứ bảy, các Đức Như-lai mười Phương cùng lúc xuất hiện trong gương, được Phật xoa đánh. Trong hai mươi một ngày việc làm đều khác. Trước lễ Phật, nhiễu quanh đàn tràng, tụng chú hành đạo. Trong đó phải thực hành năm sám hối, sám hối lễ Phật cầu thương xót che chở, lia chướng ngã mạn v.v... Kế là xả bỏ những việc làm trước đó, thường phát nguyện lớn, vận chuyển tâm rộng khắp, lia chướng thấp hèn, sau cùng, tâm hoàn toàn trì tụng chú, gia trì hạnh môn, ngăn các việc ma. Do ba hạn chế này giúp cho năng lực tu hành.

c) Đường Cảm ứng giao nhau, nói lên thọ Phật ứng, xoa đánh an ủi.

2) Nhập quán hạnh.

Ở trong đạo tràng tu Tam-ma-địa, có công năng làm cho người tu học thời Mặt pháp thân tâm sáng suốt, giống như lưu ly, ma chướng đã lia, lại được sự che chở rõ ràng, tu Tam-ma-đề mau được thành tựu, nên làm cho thân tâm sáng suốt như lưu ly.

Nói lên sự bất thành.

Này A-nan! Nếu Tỳ-kheo này, Bản thọ giới sư và mười vị Tỳ-kheo trong hội, trong đó có một vị không thanh tịnh, thì đạo tràng ấy không thể thành tựu.

Giới căn là gốc, vào đạo là cửa đầu tiên, Sư và người chứng minh bình đẳng thanh tịnh. Nếu Sư thiếu, trò không có chỗ kính thờ, đạo tràng

không thành tựu, nên biết là do đây.

Nói về đắc quả:

Sau hai mươi một ngày, ngồi thẳng ở yên suốt một trăm ngày, người lợi căn ngồi tại chỗ đắc quả Tu-đà-hoàn. Dầu thâm tâm họ quả Thánh chưa thành, nhưng chắc chắn tự biết thành Phật không sai. Ông hỏi về đạo tràng, được Kiến lập như thế. Quả Tu-đà-hoàn ở Đại thừa và Tiểu thừa đều có, Tiểu thừa có thể biết..

Nay tu định Thủ-Lăng-nghiêm Đại thừa, phát nguyện Bồ-tát, nên dùng thứ lớp Đại thừa, mà nói về quả vị. Hoặc theo kinh Anh Lạc Bốn nghiệp, thì Sơ địa gọi là Cửu-ma-la-già, cho đến Tứ địa gọi là Tu-đà-hoàn. Phật địa gọi là bà-già-bà-Phật-đà, phối hợp với kinh này e rằng sâu xa cao vời.

(Chín trăm mười bảy) Nếu y theo cái thấy đắc Vô Sinh nhẫn, chân thật gọi là Tu-đà-hoàn rất phù hợp, tức mới nhập vào Viên địa trụ vị khác, ở đây đồng với nghĩa Quán Âm tu chứng. Nếu phối hợp với giai vị dưới, e rằng không thích hợp. Vì trong kinh này nói là quả Thánh, là lợi căn tu. Lại kinh ở dưới nói được Vô Sinh nhẫn, thứ ba dần dần sẽ được chứng đắc. Đây là không ngăn ngại, chắc chắn không thể phối hợp với giai vị chưa chứng, xin xem cho kỹ.

Chánh nói thần chú, có ba:

1. Thừa hỏi, có ba:

a) Nói nương năng lực chú:

A-nan đánh lễ dưới chân Phật, Bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế tôn: Từ lúc con xuất gia đến nay nhờ vào sự thương mến của Ngài, vì cầu học rộng, nên chưa chứng quả, bị phạm thiên tà thuật kia hại con, tâm con tuy sáng suốt mà năng lực lại không tự do, nhờ gặp Văn-thù giúp con giải thoát.

A-nan tuy được Sơ quả của Tiểu thừa, hoặc mong vào Đại thừa gọi là Trạch diệt, chẳng phải chân như vô vi, nên nói chưa chứng.

b) Nguyện nghe thần chú:

Tuy nương vào thần chú Phật đánh Như-lai mà được năng lực này, còn chưa đích thân nghe. Chỉ mong ngài rũ lòng đại bi giảng nói lại, từ bi cứu người tu hành trong hội này và những người đời sau đang chìm đắm trong luân hồi đau khổ. Nương mật âm của Phật, thân ý giải thoát, Văn-thù mật tụng để cứu giải nạn dâm, cho nên nói chưa nghe, nay xin nói rõ, ý muốn truyền lại thông suốt đến đời sau.

c) Cả chúng đều nghe.

Bấy giờ, tất cả đại chúng trong hội đều làm lễ, lắng nghe Chương

Cú bí mật của Như-lai.

Nói cho nghe, có hai:

1. Chánh nói thần chú, có hai

a) Hiện hóa Phật:

Bấy giờ, Đức Thế tôn từ trong nhục kế phát ra tia sáng trăm báu. Trong ánh sáng phát ra ngàn cánh sen báu, có hóa Như-lai ngồi trên hoa báu. Trên đỉnh phát ra mười tia sáng trăm báu, mỗi tia sáng đều thị hiện khắp các vị Kim Cương Mật Tích nhiều bằng số cát của mười sông Hằng bưng núi cầm chày, trùm khắp các thế giới trong hư không, đại chúng ngược nhìn vừa mừng vừa sợ, mong Phật che chở. Nhất tâm nghe Đức Như-lai từ đỉnh tướng vô kiến phát ra ánh sáng giáng nói thần chú: Lúc sắp nói thần chú thì hiện ánh sáng hoá Phật, hoá Phật lại biến thành hóa Phật trăm hằng sa chúng, đây là diệu dụng tâm tạng không thương nghĩ bàn luận của Như-lai, một tức tất cả, tất cả là một. Đại chúng sẽ chứng được lý này, cho nên thị hiện. Dưới nói thần chú, đây là mật âm nói cho đại chúng, biến hóa làm cho được lợi ích.

b) Nói lời chú:

Nam-mô tát đất tha, tô già đa da a la ha đế, tam miệu tam bồ đà tóa, tát đất tha phạt đà cu tri sắt ni sam. Nam mô tát bà bột đà bột địa tát đa bệ tộ. Nam mô tát đa nẫm tam miệu tam bồ đà cu tri nẫm. Ta xá ra bà ca tăng già nẫm. Nam mô lô kê A-la-hán đa nẫm. Nam-mô tô lô đa ba na nẫm. Nam mô ta yết rị đà già di nẫm. Nam mô lô kê tam miệu già đa nẫm. Tam miệu già ba ra để ba đa na nẫm. Nam mô đề bà li sắc noả. Nam mô tất đà da tỳ địa da đà ra lia sắt noả. Xá ba noa yết ra ha ta ha ta ra ma tha nẫm. Nam mô bạt ra ha ma ni. Nam mô nhân đà ra da. Nam mô bà già bà đế lô đà ra da. Ô ma bát đế, ta hê dạ da. Nam mô bà già bà đế. Na ra dả noa da. Bàn giá ma ha tam mộ đà ra. Nam mô tất yết rị đa da. Nam mô bà già bà đế. Ma ha ca ra da. Địa rị bát lặc na già ra. Tỳ đà ra ba noa ca ra da. A địa mục đế. Thi na sá na nê bà tất nê. Ma đất rị già noa. Nam mô tất yết rị đa da. Nam mô bà già bà đế. Đa tha già đa cu ra da. Nam mô bát đầu ma cu ra da. Nam mô bạc xà ra cu ra da. Nam mô ma ni cu ra da. Nam mô già xà cu ra da. Nam mô bà già bà đế, đế rị trà du ra tây na, ba ra ha sa noa ra sà da, đa tha già đa da. Nam mô bà già bà đế. Nam mô a di đà bà da, đa tha già đa da, a ra ha đế tam miệu tam bồ đà da. Nam mô bà già bà đế, a sô bệ da, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da. Nam mô bà già bà đế, bệ sa xa da, cu lô phệ trụ rị da, bát ra bà ra xa da, đa tha già đa da. Nam mô bà già bà đế, tam bổ sư tử đa, tát lân nãi ra lặc xà da, đa tha già đa da, a ra ha đế

tam miệu tam bồ đà da. Nam mô bà già bà đế, Xá Kê đã mẫu na duệ, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da. Nam mô bà già bà đế, lạc đác na kê đô ra xà da, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da, đế biểu nam mô tát yết rị da, ế đàm bà giá bà đa, tát đát tha già đô sắt ni sam, tát đát đa bát đát lam. Nam mô a bà ra thị đām, bác ra đế dương kỳ ra, tát ra bà bộ đa yết ra ha, ni yết ra ha yết ca ra ha ni, bác ra bỉ địa da sắt đà nể, a ca ra mất rị trụ, bác rị đác ra da nảnh yết rị, tát ra bà bàn đà na mục xoa ni, tát ra bà đột sắc tra đột tất pháp, bát na nể phạt ra ni, giả đô ra thất đế nẫm, yết ra ha ta sa tát ra nhả xà, tỳ đà băng ta na yết rị, a sắc tra băng xá đế nẫm, na xoa sát đác ra nhả xà, ba ra tát đà na yết rị, a sắc tra nẫm, ma ha yết ra ha nhả xà, tỳ đa băng tát na yết rị, tát bà xá đô lô nể bà ra nhả xà, hô làm đột tất pháp, nan giá na xá ni, bí ra xá tất đác ra, a kiết ni ô đà ca ra nhả xà, a bác ra thị đa cu ra, ma ha bác ra chiến trì, ma ha điệp đa, ma ha đế xà ma ha thuế đa xà bà ra, ma ha bạt xa bàn đà ra bà tất nể, a rị da đa ra, tỳ rị cu trị, thệ bà tỳ xà da, bạt xà ra ma lễ để, tỳ xá lô đa, bột đặng đồng ca, bạt xà ra chế hất na a giá, ma ra chế bà bác ba chất đà, bạt xà ra thiện trì, tỳ xá ra giá, phiến đa xá bệ đề bà bỏ thị đa, tô ma lô ba, ma ha thuế đa, a rị gia đa ra (chín trăm mười tám), ma ha bà xa a bát ra, bạt xà ra thương yết xa chế bà, bạt xà xa cu ma rị, cu lam đà rị, bạt xà sa hắc tát đa giá, tỳ địa gia kiền giá na ma rị ca, khuất tô mẫu bà yết ra đa na, bộ lô giá na cu rị da, dạ ra thố sắt ni sam, tỳ chiết lam bà ma ni giá, bạt xà ra ca na ca ba ra bà, lô xa na bạt xà sa đốn trĩ giá, thuế đa giá ca ma ra sát xa thi ba xa bà, ế đế di đế mẫu đà ra yết noa, ta bệ ra sám, quật phạm đô, ấn thổ na ma mạ tỏa.

Bài chú thứ hai: Ô hồng rị sắt yết noa, bác lạc xá tất đa, tát đát tha già đô sắt ni sam. Hổ hồng đô lô ung chiêm bà noa, hổ hồng đô lô ung tất đām ba noa. Hổ hồng đô lô ung ba ra sắt địa da tam bác xá noa yết ra. Hổ hồng đô lô ung, tát bà dước xoa hắc ra sát ta, yết ra ha nhả xà, tỳ đà băng tát na yết ra. Hô hồng đô lô ung, giả đô ra thi để nẫm yết ra ha ta ha tát ra nẫm, tỳ đặng băng tát na ra. Hổ hồng đô lô ung, ra xoa, bà già phạm tát đát tha già đô sắc ni sam, ba sa điếm xà kiết rị, ma ha ta ha tát ra, bột thọ ta ha tát ra thất rị sa, cu tri ta ha tát nê đế lệ, a tộ đề thị bà rị đa, tra tra anh ca ma ha bạt xà lô đà ra, đế rị bồ bà na, man trà ra, ô hồng ta tất đế bạc bà đô, ma mạ, ấn thổ na mạ ma tỏa.

Bài chú thứ ba: Ra xà bà dạ, chủ ra bạt dạ, a kỳ ni bà dạ, ô đà ca bà dạ, tỳ xa bà dạ, xá tất đa ra bà dạ, ba ra chước yết ra bà dạ, đột sắc xoa bà dạ. A xá nể bà dạ, a ca ra mật rị trụ bà da, đà ra ni bộ di kiếm ba

già ba đà bà dạ, ô ra ca bà đà bà dạ, lặc xà đàn trà bà dạ, na dà bà da, tỳ điều đất bà dạ, tô ba ra noa bà dạ, được xoa yết ra ha, ra xoa từ yết ra ha, tất rị đa yết ra ha, tỳ xá giá yết ra ha bộ đa yết ra ha, cụu bàn trà yết ra ha, bổ đơn na yết ra ha, ca tra bổ đơn na yết ra ha, tất kiên độ yết ra ha, a bá tất ma ra yết ra ha, ô đàn ma đà yết ra ha xa dạ yết ra ha, hê rị bà đế yết ra ha, xả đa ha rị nẫm, yết bà ha rị nẫm, lô địa ra ha rị nẫm, mang ta ha rị nẫm, mê đà ha rị nẫm, ma xà ha rị nẫm, xà đa ha rị nẫm, thị tỳ đa ha rị nẫm, tỳ đa ha rị nẫm, bà đa ha rị nẫm, a du giá ha rị nữ, chất đa ha rị nữ, đế sam tát bệ sam, tát bà yết ra ha nẫm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ba rị bạt ra giả ca hất rị đờm, tỳ đà giả xà sân đà dạ di, kê ra dạ di. Trà diễn ni hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê sa dạ di. Ma ha bát du bát đất dạ. Lô đà ra hất rị đờm, tỳ già dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di na ra đa noa hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di.

Tát-đỏa già lô trà tây hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê sa dạ di. Ma ha ca ra ma đất rị già noa hất rị đờm tỳ đà dạ xà sân đà dạ di kê ra dạ di, ca ba rị ca hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di. Xà dạ yết ra, ma độ yết ra, tát bà ra tha ta đạ na hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di kê ra dạ di. Giả đốt ra bà kỳ nê hất rị đờm đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di. Tỳ rị dương hất rị tri, nan đà kê sa ra đà noa bác đế, sách hê dạ hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di kê sa dạ di. Na yết na xá ra bà noa hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê xa dạ di. A-la-hán hất rị đờm tỳ đà dạ xà sân đà dạ di kê sa dạ di. Tỳ đa ra già hất rị đờm tỳ đà dạ xà sân đà dạ di kê ra dạ di. Bạt xa ra ba nể, cu hê dạ cu hê dạ ca địa bát đế hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di kê sa dạ di, sa xoa võng bà già phạm, ấn thổ na mạ mạ tỏa.

Bài chú thứ tư: Bà già phạm, tát đác đa bác đất ra, nam mô tỳ đô đế, a tất đa na ra lặc ca, ba ra bà tất phổ tra tỳ ca tát đất đa bác đế rị. Thập Phật ra thập Phật ra, đà ra đà ra, tần dà ra tần đà ra, sân đà sân đà. Hổ hồng hổ hồng, phấn tra, phấn tra, phấn tra, phấn tra, phấn tra, ta ha hê hê phấn, a mâu ca da phấn, a ba ra đề ha đa phấn, ba ra bà ra đà phấn a tố ra tỳ đà ra ba ca phấn, tát bà đề bệ tộ phấn, tát bà na già tộ phấn, tát bà bệ tộ phấn, tát ba na già tộ phấn, tát bà được xoa tộ phấn, tát bà kiến thất bà tộ phấn, tát bà bổ đơn na phấn. Ca tra bổ đơn na tộ phấn, tát bà đột lan chỉ đế tộ phấn, tát bà đột sáp tỳ lê hất sắc đế tộ phấn, tát bà thập bà lê tộ phấn, tát bà a bá tất ma lê tộ phấn tát bà xá na bà noa tộ phấn tát bà địa đế kê tộ phấn, tát bà đất ma đà kê tộ phấn, tát bà tỳ đà da ra thế giá lê tộ phấn, xà dạ yết ra ma độ yết ra tát bà dạ tha ta đà kê

tê phẩn, tỳ địa dạ già lê tê phẩn, giả đô ra phước kỳ nể tê phẩn, bạt xà ra câu ma rị, tỳ đà dạ ra thệ tê phẩn ma ha ba ra (chín trăm mười chín) đĩnh dương xoa kỳ rị tê phẩn, bạt xà ra thương yết ra dạ, ba ra trượng kỳ ra xà dạ phẩn, ma ha ra ca dạ, ma ha mặt đất rị ca noa. Nam mô ta yết rị đa dạ phẩn, tỳ sắt noa tỳ duệ phẩn, bột ra ha mâu ni duệ phẩn, a kỳ ni duệ phẩn, ma ha yết rị duệ phẩn, yết ra đàn trì duệ phẩn, miệt đất rị duệ phẩn, miệt đất rị duệ phẩn, lao đất rị duệ phẩn, giá văn trà duệ phẩn, yết la ra đất rị duệ phẩn, ca bát rị duệ phẩn, a địa mục chất đa ca thi ma xá na, bà tư nễ duệ phẩn, diển kiết chất, Tát-đỏa bà đỏa, mạ mạ ấn thổ na mạ mạ tỏa. (Câu ba trăm hai mươi hai câu, đến đây xưng danh thọ trì).

Bài chú thứ năm: Đột sắt tra chất đa, a mặt đất rị chất đa, ô xà ha ra, già bà ha ra, lô địa ra ha ra, ta bà ha ra, ma xà ha ra, xà đa ha ra, thị tỳ đa ha ra, bạc lược dạ ha ra, kiền đà ha ra, bố sử ba ha ra, phả ra ha ra, bà tỏa ha ra, bác ba chất đa, đột sắt tra chất đa, lao đà ra chất đa, được xoa yết ra ha, ra sắt ta yết ra ha, bế lệ đa yết ra ha, tỳ xá giá yết ra ha, bộ đa yết ra ha, cứu bàn trà yết ra ha, tất kiền đà yết ra ha, ô đất ma đà yết ra ha, xà dạ yết ra ha, a bá tất ma ra yết ra ha, trạch khô cách hà kỳ ni yết ra ha, rị Phật đế yết ra ha, mộ đà ra nan địa ca yết ra ha, a lam bà yết ra ha, kiền độ ma ni yết ra ha, thập phạt ra yên ca hê ca, trị đế được ca, đất lệ đế lược ca, giả đột thác ca, ni thập phạt ra, tỳ sam ma thập phạt ra bạc đế ca, tỳ đế ca, thất lệ sắc mật ca, ta nể bát đế ca, tát bà thập phạt ra, thất lô kiết đế, mặt đà bệ đạt lô chế kiềm, a ỷ lô kiềm, mục khô lô kiềm, yết rị đột lô kiềm, yết ra ha yết lam, yết noa du lam, dẫn đa du lam, hất rị dạ du lam, mặt ma du lam, bạt rị thất bà du lam, tỳ lật sắc tra du lam, ô đà ra du lam, yết tri du lam, bạt tất đế du lam, ô lô du lam, thường già du lam, hắc tất đa du lam, bạt đà du lam, ta phòng án già bát ra trượng già du lam, bộ đa tỳ đà trà, trà kỳ ni thập bà ra, đà đột lô ca kiền đột lô kiết tri, bà lộ đa tỳ, tát bát lô ha lăng già, du sa đất ra, ta na yết ra tỳ sa dụ ca, a kỳ ni ô đà ca, mặt ra bệ ra kiền đa ra, a ca ra mặt rị đốt đất liễm bộ ca, địa lật lạc tra, tỳ rị sắc chất ca, tát ba na cu ra, tứ dẫn già tê yết ra, rị được xoa đất ra số, mặt ra thị phệ đế sam, ta bệ sam, tất đất đa bát đất ra, ma ha bạt xà lô sắc ni sam, ma ha bác lạc trượng kỳ lam, dạ ba đột đà xá dụ xà na, biện đất lệ noa, tỳ đà da bàn đàm ca lô di, đế thù bàn đàm ca lô di bát ra tỳ đà, bàn đàm ca lô di đất diệt tha. Án a na lệ, tỳ xá đề bệ ra bạt xà ra đà rị, bà đà bàn đà nể, bạc xa ra bàn ni phẩn. Hồ hồng đô lô ung phẩn, ta bà ha (bốn trăm hai mươi bảy câu).

Bốn trăm hai mươi bảy câu chú này. Một số câu trước chỉ là quy mang Chư Phật, Bồ-tát và chúng Thánh Hiền. Và tựa chú nguyện che chở lìa các nạn, các bệnh ác quỷ.

Câu bốn trăm mười chín Nói đất-điệt-tha: dịch là liền nói chú rằng, từ câu bốn trăm hai mươi là chữ án trở đi mới là chánh chú. Như trước nói sáu thời hành đạo tụng chú, mỗi thời một trăm tám mươi biến, tức là chánh tụng tâm chú này. Nếu tụng thuộc lòng thì rất tốt.

Nhưng ở đây chính là bí mật Thủ-lăng-nghiêm, từ xưa đến giờ không dịch, lược có năm ý:

Là mật ngữ của Chư Phật. Pháp bí mật chỉ có Phật và Phật mới hiểu rõ được, bậc Thánh khác không thể thông đạt.

2. Môn tổng trì:

Mỗi chữ, mỗi câu chứa đựng nhiều nghĩa. Như Bà-già-bà có sáu nghĩa.

3. Hoặc tên vị đứng đầu loài quỷ thần, kêu gọi họ khuyên răn để che chở người tu hành.

4. Mật ấn của Chư Phật.

Như Vua ấn tín cho người đáng tín cậy, hoặc không tín cậy đều thông suốt, u hiển tôn phụng. Các Đức Phật truyền nhau, không được đổi dời.

5. Năng lực không thể suy nghĩ bàn luận:

Được che chở, chỉ cần mật tụng thì diệt được tội lớn, mau chứng Thánh vị. Như vua ra lệnh xử tử hoặc xá tội cho người có công, vờ đến nhận chức. Ở đây cũng thế, cho nên từ xưa đến nay không giải thích ra, bốn ấy hoặc có đồng khác, đều là lần lượt lời khác bên trong của ba tạng, phiên dịch sai ít, chỉ y theo một bốn tụng trì, không được chọn lựa.

Đầu quyển thứ mười bốn nói công năng của chú, có hai.

Nói Chư Phật thọ trì, có ba:

1) Người trì thành đức, có ba:

a. Tướng thành Phật nói pháp hàng phục ma:

A-nan! Chương cú vi diệu Phật đánh quang tụ tất-đát-đa bát-đát-la bí mật già đà, sinh ra tất cả Chư Phật trong mười phương. Các Đức Như-lai mười phương nhờ tâm chú này mà được thành Vô thượng chánh biến tri giác. Các Đức Như-lai mười phương giữ tâm chú này hàng phục các ma, chế ngự các ngoại đạo. Các Đức Như-lai mười phương nương vào chú này ngồi vào hoa sen báu ứng hiện khắp cõi nước nhiều như bụi. Các Đức Như-lai mười phương bao trùm tâm chú này. Ở cõi nước

nhiều như cát bụi xoay bánh xe Đại pháp. Tất-đát-đa-bát-đát-ra, dịch là Bạch Tán Cái, tức chỉ cho tâm tàng, không tương ứng với vọng chấp, cho nên nói là Bạch, che khắp tất cả pháp cho nên nói là Cái (lọng). Từ đây lưu diễn thần chú bí mật cho nên nói tâm chú. Lại vì gom chung yếu chỉ trong tất cả chú, chẳng có một Đức Phật nào không nhờ chú này mà thành Chánh Giác, chế phục ngoại đạo, ứng vào các cõi nước, xoay bánh xe Đại pháp.

b. Tướng thọ ký bạt khổ thờ thầy:

Các Đức Như-lai mười phương trì tâm chú này, có khả năng ở trong mười phương xoa đánh thọ ký, quả mình chưa thành tựu có thể ở khắp mười phương cứu giúp các khổ, là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, đui mù, câm điếc, khổ oán ghét mà phải gặp nhau, khổ yêu thương mà chia lìa, khổ mong cầu mà không được, khổ năm ấm lấy lừng, lớn nhỏ hoành hành, cùng lúc được giải thoát, nạn cướp bóc, đao binh, nạn vua, nạn ngục, nạn gió, lửa nước, đói khát nghèo cùng, ngay đó tiêu tan.

(Chín trăm hai mươi) Các Đức Như-lai trong mười phương, tùy tâm chú này, có thể ở trong mười phương thờ phụng thiện tri thức. Trong bốn oai nghi cúng dường như ý. Trong hội hàng hà sa Như-lai ở suy tôn con làm con của Đại Pháp Vương, thọ ký thì cho vui, trừ nạn thì nhổ gốc khổ, kính thờ cúng dường là con của bậc Đại Pháp Vương, tức nối tiếp bậc Pháp Vương, khiến cho hạt giống Phật không bị dứt, đều nhờ tâm chú này mà được như thế.

c. Tướng nhiếp thân, thị diệt, phó pháp.

Các Đức Như-lai trong mười phương, thực hành tâm chú này, có khả năng ở mười phương nhiếp thọ nhân gần gũi, làm cho người tu theo Tiểu thừa nghe tạng bí mật, không sinh sợ hãi. Các Đức Như-lai mười phương tụng tâm chú này mà thành Vô thượng giác, ngồi cõi Bồ-đề, nhập đại Niết-bàn. Các Đức Như-lai trong mười phương truyền tâm chú này, sau khi diệt độ, việc giao phó Phật pháp rốt ráo trụ trì, trang nghiêm thanh tịnh giới luật đều được thanh tịnh.

Tứ Phạm chư tử và quyến thuộc khác đều được xuất gia, chứng Tiểu thừa Đại không có sợ hãi. Do năng lực nhiếp thọ thành Phật thị hiện diệt độ, phó chúc ở đời vị lai, làm cho đạo ta không bị suy vi, đều nhờ công năng của chú.

Chỉ rộng về công năng.

Nếu ta nói chú Phật đánh quang tụ bát-đát-ra này từ sáng đến tối, âm thanh liền nhau, trong câu chữ cũng không trùng lặp, trải qua hằng sa kiếp, đều không cùng tận, bí mật vô cùng, công năng không cùng

tận, Hằng ngày nối nhau để nói trong tuổi thọ một kiếp cũng không thể hết được.

Lỗi không thọ trì.

Cũng gọi chú này là Như-lai đảnh. Các ông là bậc Hữu học chưa dứt hết luân hồi, phát tâm chí thành, chứng A-la-hán, không trì chú này, mà ngồi đạo tràng, làm cho thân tâm xa lìa các việc ma thì không có việc đó.

Chú này nhiếp chung các bí tạng của Phật, đầy đủ muôn hạnh. Cho nên người học không trì chú này mà được thành đạo thì không thể được.

2. *Khuyên chúng sinh thọ trì, có ba:*

a) Khuyên chung thọ trì:

Nầy A-nan! Nếu các thế giới, tùy theo cõi nước mà có chúng sinh, tùy theo cõi nước da cây, lá bối, lụa trắng, viết chú này trên đó rồi bỏ vào túi thơm, người này, tâm hôn mê, chưa thể nhớ tụng, hoặc đeo trên thân, hoặc viết trong nhà, phải biết người này trọn đời tất cả các độc không thể hại được, đã không có tánh tụng, chỉ viết mang theo, thì một đời các chất độc cũng không hại được.

b) Nói riêng về công lực, có hai:

- Nêu lên:

Nầy A-nan! Nay ta nói chú này cho ông cứu giúp thế gian, được không sợ hoàn toàn, thành tựu trí xuất thế gian.

- Giải thích, có mười một.

+ Dứt trừ được các nạn:

Nếu sau khi ta diệt độ chúng sinh thời Mạt pháp có khả năng tự tụng, hoặc dạy người tụng thì phải biết chúng sinh tụng trì như thế, lửa không thể đốt được, nước không thể nhận chìm, độc lớn độc nhỏ cũng không thể hại. Như thế cho đến trời rồng quỷ thần, tinh kỳ quỷ mị, tất cả chú ác đều không hại được.

Tâm được chánh thọ: Tất cả chú yếm, thuốc độc, vàng độc, bạc độc, cây cỏ, trùng rắn, khí độc của muôn vật đó vào miệng người này liền thành vị cam lộ, tất cả sao xấu và các quỷ thần, người có tâm xấu ác, đối với người này không thể khởi tâm ác. Tỳ-na-da-ca các vua ác quỷ và quyền thuộc của vua quỷ đều thọ nhận ân đức sâu xa, thường luôn che chở, các quỷ ác độc, việc khó trên thế gian không thể xâm lấn, làm cho được chánh thọ, dùng oai lực thần linh, tâm từ nhiếp hộ, giúp cho họ được lợi ích cho nên lãnh thọ ân sâu, thường luôn che chở.

+ Sinh ra các trí.

A-nan nên biết! Chú này thường có tám mươi bốn ngàn na-do-tha hằng hà sa câu-chi chủng tộc làm Bồ-tát Kim Cương Tạng Vương, mỗi câu đều có các chúng Kim Cương làm quyến thuộc, ngày đêm theo hầu, nếu có chúng sinh nào tâm tán loạn, không có thiền định mà tâm nhớ miệng trì, Kim Cương Vương ấy thường theo các người thiện nam kia. Huống chi người có tâm quyết định đối với Bồ-đề, các Bồ-tát Kim Cương, Tạng Vương này, tịnh tâm nhanh chóng, phát khởi thần thức, người này ngay đó tâm nhớ được tám mươi bốn ngàn hằng hà sa kiếp, biết rõ khắp tất cả, không có nghi ngờ. Tán tâm trì tụng còn được che chở, huống chi người quyết tâm cầu Bồ-đề mà không che chở ư? Đã vì Bồ-đề, tâm tịnh cần huân vào thần thức mau được khai phát, tự nhiên nhớ việc hằng hà sa kiếp, không có việc gì chẳng biết rõ, lại mau chiêu cảm, âm thầm chiêu cảm làm cho khai phát.

+ Không rơi vào chỗ ác:

Từ kiếp thứ nhất đến thân sau: đời đời không sinh làm Dục-xoa, La-sát và Phú-đơn-na, Ca-tra-phú-đơn-na, Cưu-bàn-trà, Tỳ-xá-già và các nạ quỷ, có hình không hình, có tướng không tướng, các chỗ ác như thế, người thiện nam này hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc viết, hoặc chép, hoặc mang theo, hoặc cất giữ, được các cõi Sắc cúng dường, kiếp kiếp không sinh vào chỗ nghèo cùng thấp hèn không đáng ưa thích.

Kiếp thứ nhất là thời kỳ đầu khi mới phát tâm tu hành cho đến thân sau cùng của Bồ-tát, nên gọi là thân sau. Trong đó không rơi vào tạp loại, hoặc sinh vào loài người cũng không nghèo hèn vì trì pháp tôn quý cho nên thân được tốt đẹp.

+ Các nhóm công đức:

Các chúng sinh này, dẫu tự thân họ không làm được phước nghiệp, nhưng công đức của người này đều đồng với tất cả: Các Như-lai mười phương. Bởi vậy, người này được sinh cùng một chỗ với Chư Phật trong hằng hà sa A-tăng-kỳ không thể nói, không thể nói số kiếp, có vô lượng công đức.

Như dạ-xoa xấu ác tụ hội đồng một chỗ, huân tu mãi mãi không phân tán, tuy không tạo phước. Vì năng lực thọ trì phước đồng với Phật, đã sinh đồng với Phật, vẫn thọ giáo tu hành, thì phước nào không nhóm họp?

+ Các hạnh thành tựu:

Cho nên có công năng giúp người phá giới được giới căn thanh tịnh, người chưa đắc giới giúp cho họ đắc giới.

Người không tinh tấn giúp cho họ tinh tấn, người không có trí

tuệ làm cho họ có trí tuệ, người không thanh tịnh mau được thanh tịnh, người không trì trai giới tự thành trì giới, hạnh môn của Bồ-tát tùy theo hạnh mà đầy đủ, nay không thực hành mà đầy đủ. Bởi năng lực của thần chú đã đầy đủ muôn hạnh, lời này không dối.

+ Dứt tội khinh trọng:

Này A-nan, người thiện nam này, khi trì chú này, nếu phạm giới cấm khi chưa thọ giới thì khi trì chú rồi, các tội phá giới, bất luận trọng hay khinh, đều tiêu diệt cùng lúc, dẫu cho uống rượu, ăn năm thứ rau cay bất tịnh, tất cả Chư Phật Bồ-tát, Kim Cương Vương, trời tiên quý, thần không cho là tội. Dù cho mặc y phục bất tịnh phá trai, ngay cả đi đứng đều thanh tịnh. Dẫu không làm đàn tràng, không vào đạo tràng cũng không hành đạo mà tụng trì chú này đều đồng như vào đàn tràng, có công đức hành đạo. Nếu gây ra tội trọng, năm tội nghịch, Vô Gián và bốn tội ba-la-di của tăng, tám tội ba-la-di của ni, nếu tụng chú này rồi thì nghiệp nặng như thế cũng giống như gió mạnh thổi cát bay, đều dứt trừ hết, không còn mảy may. Người khi chưa thọ, khi chưa thọ chú, ngoài ra như văn kinh có chép.

+ Nghiệp đời trước tiêu trừ:

Này A-nan! Nếu có chúng sinh, từ vô lượng, vô số kiếp đến nay, tất cả tội chướng khinh trọng, từ đời trước đến nay chưa kịp sám hối. Nếu đọc tụng ghi chép chú này, đeo trong người. Hoặc để ở chỗ ở, nhà cửa trang nghiêm, vườn quán, tích chứa các nghiệp như thế giống như nước sôi làm tan tuyết.

(Chín trăm hai mươi mốt) Thời gian không lâu đều được ngộ Vô sinh nhẫn, sinh tử đã nhiều, tạo nghiệp làm sao tính hết, không hề sám hối, chưa nhóm đến nay, đều là trọng chướng của việc thấy đạo, năng lực không thể suy nghĩ bàn luận, hừng hực như nước sôi, nghiệp luống dối lại tiêu trừ.

+ Cầu gì được nấy:

Lại nữa, này A-nan! Nếu có người nữ nào chưa sinh con trai, con gái, muốn cầu sinh con trai con gái, nếu chú tâm nhớ nghĩ chú này, hoặc đeo trong mình chú: Tất-đát-đa-bát-đát-la này. Thì sinh con trai, con gái phước đức và trí tuệ. Người cầu tuổi thọ thì được tuổi thọ mạng. Người cầu quả báo mau tròn đầy thì mau được tròn đầy, thân thể, sức khỏe cũng giống như thế, sau khi qua đời tùy theo nguyện của mình mà sinh về các cõi nước mười phương, chắc chắn không sinh vào chốn biên địa, thấp hèn. Huống chi tạp hình, qua đời còn có thể tùy nguyện vãng sinh về các cõi thanh tịnh của Phật, huống chi những điều mong cầu thế gian

sở cầu mà không được hay sao?

+ Đặt thần chú này trong nhà trong xóm làng:

Nầy A-nan! Nếu xảy ra bệnh truyền nhiễm, đói kém ở các cõi nước, châu huyện, xóm làng, nạn giặc tranh đấu, đao binh và tất cả nơi nguy hiểm nếu đặt thần chú này ở bốn cửa thành, hoặc để trong tháp, hoặc trên thoát xà, làm cho tất cả chúng sinh ở nước ấy phụng thờ thần chú này, lễ bái cúng kính nhất tâm cúng dường, làm cho người dân nước đó đều kính phục, hoặc treo chú này trong đất nhà ở thì tất cả tai ách đều dứt hết.

Chi-đề: Là nơi đáng cúng dường.

Thoát xà là cái cờ, còn trừ được nghiệp, chẳng lẽ không thể trừ được nghiệp nhỏ của thế gian hay sao?

Cho nên tất cả đều tiêu diệt.

+ Năm được mùa, chướng tiêu diệt.

Nầy A-nan! Chúng sinh ở khắp các cõi nước, tùy theo chỗ nào có thần chú này thì trời rồng đều vui mừng, gió mưa thuận mùa, ngũ cốc được mùa, triệu dân làng được an vui, cũng có thể dẹp yên tất cả sao xấu, tùy phương mà biến quái. Nạn lửa không xảy ra, người không chết nngang trái, gông cùm, xiềng xích không trói buộc thân, ngày đêm ngủ yên, không có các mộng xấu.

Ngũ cốc là: Mè, lúa, lúa mạch, lúa tẻ, đậu.

Mười ức là một triệu.

Thánh pháp ở chỗ nào thì chỗ đó, còn không có ác mộng, hướng chỉ các tai họa ngang trái.

+ Sao xấu không hiện.

Nầy A-nan! Thế giới Ta-bà này có bốn mươi tám ngàn tai biến sao xấu. Hai mươi tám ngôi sao xấu lớn là trên hết. Lại có tám ngôi sao xấu lớn là chính có nhiều hình dạng xuất hiện ở đời, có thể gieo rắc nhiều tai ách khác cho chúng sinh. Nếu chỗ nào có thần chú này, tai nạn đều dứt hết, mười hai do-tuần thành đất kiết giới, các tai nạn ác xấu không bao giờ vào được. Tám ngôi sao xấu lớn là: Kim, mộc, thủy, hỏa thổ, la hầu, kế đô, sao chổi, tuy có duyên lành đời trước, lành nhưng thay đổi thì thành hỏa hoạn. Chỗ nào có thần chú này thì lửa không thể xâm nhập.

Kết bài tương lợi ích, có hai:

1. Trừ chướng não:

Bởi vậy, Như-lai giảng nói chú này, che chở người mới học ở đời vị lai. Những người tu hành nhập vào Tam-ma-đề, thân tâm được an ổn,

không có các ma, quỷ thần, và kẻ thù ngang trái, ương lụy nghiệp cũ, nợ nần từ vô thủy đến não hại. Đời có người tu hành tâm thành khẩn mà có nhiều chướng não là do nghiệp đời trước.

Hễ làm việc lành ở đời, còn có nhiều duyên trái, hưởng chi tâm xuất thế cầu thành giác đạo, kích động phát khởi, mà chống lại được hay sao? Không có công năng bí mật chẳng thể suy nghĩ bàn luận thì không thể sai khiến được.

2. Được tâm thông:

Ông và các bậc hữu học trong chúng, và các người tu hành đời vị lai, nương vào đạo tràng của ta, trì giới đúng như pháp, người truyền giới gặp được tăng thanh tịnh, đối với tâm chú này không sinh nghi ngờ. Người Thiện nam này, đối với thân do cha mẹ sinh ra không được tâm thông, các Đức Như-lai trong mười phương cho là nói dối.

Tâm thông là giai vị thông đạt.

Trong một trăm ngày như trước có người căn tính lanh lợi được quả Tu-đà-hoàn tức là sinh thân đặc nhẫn. Người có duyên tốt đầy đủ y theo pháp tu hành mà không được nhẫn, thì Phật thành nói dối, sao nói Như-lai là Đấng Chân Thật ngữ.

Hộ trì, có sáu:

1. Chúng Kim Cương:

Nói lời ấy xong, trong pháp hội có vô lượng trăm ngàn vị Kim Cương cùng lúc đánh lễ trước Phật, bạch Phật rằng: Như lời Phật nói con sẽ thành tâm bảo vệ người tu hành Bồ-đề như thế. Thần Chấp Kim Cương vì hộ pháp nên cũng hộ người.

2. Chúng Thiên Vương:

Bấy giờ, Phạm Vương và trời Đế-thích, bốn vị vua trời cũng đến trước Phật cùng lúc đánh lễ rồi bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Con xem xét có các thiện nhân tu học như thế, con sẽ hết lòng chí thành che chở, giúp họ trọn đời việc làm đều thành tựu như ý muốn.

3. Tám bộ chúng:

Lại có vô lượng vị Dược-xoa, đại tướng các vua la-sát, vua phú-đơn-na vương, vua cứu-bàn-trà, vua Tỳ-xà-già, vua Tần-na-da-ca, các đại quý vương và thống lãnh loài quỷ cũng đến trước Phật chấp tay đánh lễ bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn con cũng thệ nguyện, hộ trì người này, làm cho tâm Bồ-đề của họ mau được tròn đầy, soái tướng soái thủ lãnh.

4. Chúng thiên thần:

Lại có vô lượng vị Nhật thiên tử, Nguyệt Thiên tử, thần gió, thần

mưa, thần mây, thần sấm, thần sét, các quan thần xem xét nhân gian và quyền thuộc của chúng, cũng ở trong pháp hội đánh lễ dưới chân Phật, bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! con cũng che chở người tu hành này, an lập đạo tràng, được không sợ hãi, tinh của âm dương là mặt trời, mặt trăng, thần gió, thần mây, thần mưa, thần sấm đều có chủ đi tuần tra xem xét những người làm lành hoặc làm ác ở thế gian, gọi là quan tuần.

5. Các linh kỳ:

Lại có vô lượng thần núi, thần biển, tất cả thần thổ địa, thủy lục, ở hư không, muôn vật tinh kỳ và vua của loài thần gió ở các tầng trời Vô Sắc đều đến trước Như-lai đồng cúi đầu bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn con cũng che chở người tu hành này, giúp họ được thành Bồ-đề, mãi mãi không có các việc ma, thần ngũ thổ, thần núi, thần biển, thiên thần địa lý, hư không, lục địa mỗi loài đều có chủ và các vật quái.

6. *Chúng Tạng Vương, có hai:*

a) Nói về ý giáo hóa.

Bấy giờ tám mươi bốn ngàn na-do-tha hằng hà sa câu-chi vị Bồ-tát Kim Cương Tạng Vương ở trong pháp hội liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đánh lễ dưới chân Phật, bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế tôn! Như chúng con công lực tu hành thời gian lâu thành Bồ-đề, không được Niết-bàn, thương theo chú này cứu hộ người tu hành chân chánh, chánh tu Tam-ma-đề ở đời Mạt pháp, vì nuôi lớn lòng từ bi cho nên không nhập Niết-bàn, vì hộ pháp cho nên theo trì chú.

b) Nói về hộ trì.

Bạch Đức Thế tôn: Người tu như thế tâm cầu chánh định, hoặc ở đạo tràng và chỗ kinh hành khác, cho đến tán tâm dạo chơi vào xóm làng, đồ chúng của chúng con thường phải theo che chở người này. Dù làm cho quỷ vương, trời Đại Tự Tại, tìm mọi cách khuấy rối cũng không bao giờ được, các tiểu quỷ thần ở cách chỗ người lành này ngoài mười do tuần, trừ người ấy tâm thích tu thiền định.

Bạch Đức Thế tôn! Ác quỷ hoặc quyền thuộc của ma như thế, muốn đến khuấy quấy rối người lành này mà dùng chày búa đập nát đầu họ ra như bụi (chín trăm hai mươi hai): thường giúp người này việc làm được như ý, tầng trời thứ sáu cõi Dục gọi là Đại Tự Tại, tức là chỗ của ma ở, chúng thường khuấy nhiễu người tu hành không cho thành tựu. Nếu tâm lành ưa thích tu hành thì không bị khuấy rối. Ngoài ra đều bị khuấy rối, đại thần chú này vốn là duyên tốt nhất của người tu

Tam-muội, tối thượng cho nên trì chú này sẽ trừ các điều ác, huân tập các điều lành. Người ngu si không biết yếu chỉ này, thấy người trì chú thường chê bai, cho là chẳng phải tu hành. Chưa có một vị Phật nào không do chú này mà được thành đạo, hoá độ chúng sinh.

Những lời nói như trên xin xem kỹ để sửa đổi chỗ sai.

Thứ tư đại văn: Là chỉ bày giai vị khác nhau.

Đã giải thích đủ về thông hành, bên trong đức đầy đủ, lại nhờ vào lời nói bí mật, bên ngoài giúp đạo lực, trong ngoài đều giúp nhau, đâu không như vậy? Chắc chắn là giai vị đều như vậy. Nhưng giai vị có nhân quả, mê hoặc có thô tế, trí có sáng tối, dứt bỏ có sâu cạn, chứng có ít nhiều, dụng có hơn kém. Nếu mê mờ yếu chỉ này thì chẳng phải tu hành chân chánh, rơi vào tăng thượng mạn.

Vì trong giáo pháp của ta tùy theo tiến đức tu nghiệp hơn kém khác nhau, cho nên trải qua năm mươi bảy giai vị, lần lần nhập vào sâu xa, không giống như ngoại đạo, mà trời đều không có vị thứ. Nếu không làm trước thì trái với cội nguồn, đã mê mờ chỗ dứt, nhận lầm được ít bèn cho là đủ. Như Thiên thứ tư, Tỳ-kheo ít học, nhận lầm sinh chê bai, đọa địa ngục A-tỳ, việc chẳng phải nhỏ. Cho nên phải chỉ rõ để khỏi chiêu cảm lỗi lớn.

Văn có hai:

1. A-nan thưa hỏi, có hai:

1. Nói về lợi ích:

A-nan liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đảnh lễ dưới chân Phật, bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Chúng con ngu độn, thích học rộng, đối với tâm hữu lậu chưa cầu thoát khỏi, mong được Thế tôn từ bi chỉ dạy để được chánh huân tu học, thân tâm an vui, được nhiều lợi ích.

Chánh huân tu: Nghĩa là do trì giới thanh tịnh lại nhờ vào lời nói bí mật, bên trong ma chẳng sinh, bên ngoài chướng không khởi, do tu thiền này, lại không có tà ngụy, vui vẻ được lợi ích lớn.

2. Chánh thỉnh:

Bạch Đức Thế tôn! Tu chứng Tam-ma-đề như thế, chưa đến Niết-bàn, làm sao gọi là Càn Tuệ địa, bốn mươi bốn tâm, đến thứ lớp nào mới được mục đích tu hành? đến đâu mới gọi là Nhập địa, sao gọi là Đăng giác, Bồ-đề?

Nói lời ấy rồi, năm vóc gieo sát đất, đại chúng nhất tâm lắng nghe ngôn giáo từ bi của Phật, trông mong kính mến quả Niết-bàn cùng cực, là quả vị đạt được, Càn Địa là nhân trước tiên, tức là nền móng mới được phát khởi. Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập Hồi hướng và bốn

gia hạnh vị, gọi là bốn mươi bốn tâm, tức Tín Giải Hạnh Địa, gọi là tu hành. Sơ địa Kiến đạo cho đến Đẳng giác gọi là chứng nhập, tức là quả chứng phần. A-nan tuy biết tên các địa nhưng chưa biết được nghĩa của tên và hành tướng tu chứng. Cho nên hỏi như vậy, là thị hiện không hiểu, vì đời vị lai. Hai là Như-lai nói rộng, có hai:

Khen thỉnh, hứa giảng nói.

Bấy giờ, Đức Thế tôn khen ngợi Ngài A-nan rằng: Lành thay! Lành thay! Các ông vì đại chúng và tất cả chúng sinh đời Mạt pháp mà tu Tam-ma-đề cầu Đại thừa, từ phạm phu đến chứng Niết-bàn. Chỉ bày con đường tu hành chân chánh vô thượng, nay ông hãy lắng nghe ta sẽ giảng nói.

A-nan và đại chúng chấp tay im lặng thọ giáo.

Khoá, giống như hư không.

Thân tâm rỗng rang, các tạp niệm suy nghĩ dứt, lắng nghe pháp nghĩa.

2. Chính là phân biệt:

Mê chân khởi vọng: Là nhân của lập vị. Nhưng sự hưng khởi của địa vị vốn do mê ngộ, vọng do mê chân mà khởi, bốn tánh là hướng đối, cho nên có đoạn phần. Đoạn tức là thành ngộ, ngộ có cạn sâu. Cho nên thành thứ bậc, cao thấp đã có phần gọi là giai vị khác nhau. Nếu không mê chân thì đâu có giai vị này, cho nên có thứ lớp, Văn có ba:

Nói chung về mê ngộ, Có hai:

1. Nói về nhất chân:

Phật dạy: Này A-nan! Ông nên biết tánh mầu tròn sáng lìa các danh tướng, xưa nay không có thế giới chúng sinh, thể nhất chân, vắng lặng tròn sáng, chẳng phải chân, chẳng phải vọng, danh tướng đều bật. Chúng sinh ở đây dứt trừ, chúng sinh thế giới đã không lập, Phật và xuất thế tên gọi là gì. Vì chúng sinh vọng phân biệt nên thấy có Phật, có thế giới. Nếu hiểu rõ pháp tánh chân thật thì không có Phật, không có thế giới. Đây là pháp giới nhất chân, vốn không có địa vị.

2. Nói về hai tướng:

Do vọng mà có sinh, do sinh mà có diệt. Sinh diệt gọi là vọng, dứt vọng gọi là chân. Ấy gọi là hai: hai hiện chuyển y vô thượng Bồ-đề và đại Niết-bàn của Như-lai. Chân thể là thường trụ, vốn không sinh diệt, không như thật biết chân như nhất pháp, bất giác tâm động mà có nghi nhớ. Niệm là tướng sinh, có sinh thì có diệt, niệm niệm đổi dời chuyển dẫn đến thô, cho đến nghiệp quả trôi lăn trong ba cõi nên gọi là Vọng. Nếu biết niệm trước khởi ác, mà dứt được niệm sau làm cho không khởi,

dần dần dứt phần hoặc thô cho đến hoặc sâu kín, vô minh dứt hẳn, hiển bày gọi là chân: Bồ-đề Niết-bàn cũng lập ở đây, hai chuyển y hiệu: Nghĩa là do ban đầu mê chân niệm động, cho đến trôi lăn gọi là bất giác, dịch là bất giác, biết rõ vốn vô sinh, tức gọi là giác, hiệu Bồ-đề này do bất giác mà lập, do mê mà có sinh, có sinh thì có diệt, dịch sinh diệt này nói lên bất sinh diệt, tức gọi là Niết-bàn. Đối với sinh mà lập diệt, lại không có chỗ nương nên gọi là Chuyển y. Cho chân như là mê ngộ y, chuyển mê y này cho là ngộ y? Nên gọi là Chuyển y. Cho nên biết Bồ-đề, Niết-bàn do mê mà có. Ví như người do ngủ mà có thức, ở đây cũng thế, chẳng phải vốn nhất chân, vốn có hai quả khác nhau, y cứ chung các vị, có sáu thứ chuyển y, như chỗ khác nói:

Khuyên biết nhân của vọng.

Này A-nan! Nay Ông muốn tu Tam-ma-địa thẳng đến đại Niết-bàn của Như-lai thì trước phải biết hai nhân điên đảo về chúng sinh và thế giới này. Diên đảo bất sinh ở đây chính là Tam-ma-địa của Như-lai. Ở trên nói ba thứ nối nhau. Nay nói hai thứ điên đảo. Vì chúng sinh điên đảo nên thuộc về nghiệp quả. Như văn ở trước nói: Ông chỉ cần không theo ba thứ nối nhau là phân biệt thế gian, nghiệp quả và chúng sinh. Vì ba duyên dứt cho nên ba nhân không sinh, trong tâm ông tánh cuồng Diễn-nhã Đạt-đa tự dứt, dứt chính là Bồ-đề. Không từ nơi người mà được nên gọi là điên đảo vô sinh, tức là Tam-muội chân thật.

Nói riêng về diên đảo, có hai:

1. Nói chung về nhân diên đảo:

A-nan! Sao gọi là chúng sinh diên đảo?

Này A-nan! Do tánh mà rõ tâm, tánh sáng tròn đầy, do sáng tỏ mà phát tánh. Tánh vọng thấy sinh, là rốt ráo không, thành rốt ráo có. Tâm Như-lai tạng bốn tánh chân minh, trùm khắp pháp giới. Cho nên nói tánh sáng tròn đầy. Do chân minh này từ tánh mà phát động, bèn thành sở tướng. Sở đã vọng lập, sinh ra vọng năng, năng là vọng thấy, hai tướng năng sở không lìa chân, cho nên nói nhân sáng tỏ mà phát tánh, tánh vọng thấy sinh. Vốn là nhất chân, xưa nay không hình tướng. Bỗng nhiên hai tướng vọng động chợt sinh, từ vô tướng chân thật mà thành vọng có tướng. Cho nên nói thành rốt ráo có. Đây là tướng khác.

Đây có tất cả chẳng phải tướng nhân, sở nhân, tướng trụ, sở trụ, hiểu rõ không có căn bản đồng tướng. Dị tướng trên đây là năng có, nay đồng tướng sinh là sở hữu. (chín trăm hai mươi ba) tướng khác vốn chẳng có nhân mà được sinh khởi vì là nhân của đồng tướng. Đây là mê nhân như thế do nhân mê mà tự có ở trước, văn dưới cũng nói. Vọng

vốn vô nhân, trong vọng tưởng lập tánh nhân duyên. Khác đã đồng sinh, đồng là năng trụ, khác là sở trụ. Cho nên nói tướng trụ của sở trụ, cái trụ của sở trụ này vốn đã không có nhân, lại có gì là căn bản, cho nên hai tướng rất ráo vô trụ. Cho nên nói hoàn toàn vô căn bản. Vốn vô trụ này, xây dựng thế giới và các chúng sinh, là không đồng với tướng khác. Nương nơi đồng khác cho là căn bản, mà được sinh khởi không có đồng khác. Vì hai tướng trước chính là vô minh, thể của thức A-lại-da tuy chia ra đồng khác, một niệm chuyển thành sinh diệt sâu kín, toàn là vô minh, từ đây mà sinh ra núi sông đất đai, căn thân hạt giống. Cho nên Luận Khởi Tín nói: Vì nương vào bất giác cho nên tâm động, gọi là Nghiệp. Y theo động nên là năng kiến, vì nương vào năng kiến cho nên cảnh giới vọng hiện.

Kinh Duy-ma nói: ***Từ vô trụ vốn lập tất cả pháp.***

Đây là vô minh, không có nhân cho nên vô trụ.

2. *Nói riêng về nghĩa điên đảo, có ba:*

a) Chúng sinh điên đảo, có hai:

- Do mê mà có tướng.

Mê vốn tròn sáng, là sinh luống dối, tánh vọng vô tự thể, không có chỗ nương, chỉ lại tướng của nghiệp, mê mờ đối với tánh chân thật tròn sáng, thành năng sở luống dối, năng sở vọng động, vốn không có nhân nương tựa, vọng tưởng phát sinh, trong cái không có đồng khác rõ ràng thành khác, cho nên vô tự thể.

Đem dục trở lại chân, dục chân đã chẳng phải tánh chân chân thật: Là chỉ cho chuyển tướng. Do động ở trước nên giác động ít tĩnh, hiềm vọng dục chân, mong dục đã sinh, càng thêm mê đảo, không trở lại vắng lặng, chỉ được bóng chân, là do tâm luống dối biến khởi. Cho nên nói chẳng phải tánh chân như chân thật.

Chẳng phải chân mà cầu mong trở lại, rõ ràng thành phi tướng, chẳng sinh, chẳng trụ, phi tâm, phi pháp, chỉ cho hiện tướng, đây là bóng chân của sở biến, chuyển thành các tướng thế gian. Tướng thể ấy luống dối cho nên nói là phi tướng. Phi còn vọng, đây chính là nêu thể chung. Chẳng phải sinh v.v... trở xuống là nêu riêng.

Không mà bỗng có cho nên sinh, có mà tạm dừng gọi là Trụ, duyên lự nối nhau gọi là Tâm, nhiễm tịnh khác nhau nên gọi là Pháp. Thể vốn chẳng thật nên nói là phi, ở trong đó chẳng phải tâm, tức là hai thô trước trong sáu thô.

- Theo nghiệp thọ sinh:

Xoay vần phát sinh, sinh lực phát minh, huân tập để thành nghiệp,

đồng nghiệp tương cảm, vì có nghiệp cảm, diệt nhau sinh nhau. Bởi vậy cho nên có chúng sinh điên đảo. Bốn loại thô sau, do tâm trước khởi phân biệt xoay vần dần thô, chấp thủ chấp danh gây ra các nghiệp hành, cho nên nói huân tập để thành nghiệp. Hai nghiệp yêu ghét mỗi nghiệp đều có giới thú, nghiệp cảm làm nhân, báo ứng là quả, nên có quả báo sinh nhau, diệt nhau. Dâm dục là nhân cho nên sinh nhau, Sát đạo là nhân cho nên diệt nhau. Đây là hai tướng nghiệp quả của chúng sinh nối nhau.

b) Thế giới điên đảo, có hai:

Nói về nhân của thế giới sinh khởi.

Này A-nan! Thế nào gọi là thế giới điên đảo, vì có tất cả, phần đoạn vọng sinh, do đó lập ra thế giới này, chẳng phải năng nhân sở nhân, vô trụ sở trụ, trôi lăn không trụ, do đó thành thế giới, ba đời bốn phương hòa hợp liên kết với nhau, chúng sinh biến hóa thành mười hai thứ, mê thì rối ráo vô thành thì rối ráo có, vì có cho nên lập giới, vì cách biệt khác nhau. Cho nên nói phần đoạn, chẳng phải nhân mà là nhân, vô trụ mà trụ, nhân có công năng sinh quả, quả trụ vào nhân, nhân quả sinh nhau, trôi lăn không dừng, thế giới do đây mà lập, ba đời bốn phương hòa hợp với nhau, xoay vần thành mười hai thứ hữu tình, biến hóa cũng có mười hai thứ.

c) Nói về điên đảo sinh nhau.

Bởi vậy, thế giới do động mà có âm thanh, do có âm thanh mà có sắc, do sắc mà có hương, do hương mà có xúc, do xúc mà có vị, do vị mà biết pháp, vì sáu loạn vọng tưởng thành nghiệp tánh, mười hai thứ khác nhau do đây mà trôi lăn. Bởi vậy thanh, hương, vị, xúc của thế gian cuối cùng có mười hai thứ biến, làm một vòng xoay tròn bên trong do tướng động, bên ngoài cảm gió mà lay. Cho nên có âm thanh hiện, do hư không mà sinh lay động, vững chắc rõ ràng lập ra ngăn ngại, cho nên có sắc lập, gió vàng có ma sát thì có ánh sáng của lửa, lửa thì có khí, khí thì có hương, bảo minh sinh ra tươi nhuận, ánh lửa cháy lên do đây chảy nước, nước có lạnh nóng cho nên thành xúc, xúc có trơn có rít, đối với lưỡi thì có vị sinh. Năm cảnh hợp ý thì gọi là pháp. Sáu trần cảnh này đối với nội căn bên trong vọng tưởng hòa hợp lẫn lộn. Do đó mà tạo ra tất cả các nghiệp. Cho nên thành nghiệp tánh, nghiệp chắc chắn có quả báo, mười hai phẩm loại do đây khác nhau. Cho nên thành trôi lăn. Bởi vậy kiết sự, phẩm hạ thành xoay vần lại xoay vần, cũng là trôi lăn. Thanh, hương, vị, xúc lược nêu y theo mười hai thứ.

Loại sanh khác nhau có ba:

1. Nêu chung:

Vì nương vào tướng điên đảo trôi lăn này mà có thế giới noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh, có sắc, không sắc, có tướng, không tướng, hoặc chẳng phải có sắc, hoặc chẳng phải Vô Sắc, hoặc chẳng phải có tướng, hoặc chẳng phải Vô Tướng, tình và tướng làm nhân cho nhau, hình đối đãi không dứt. Thế giới hữu tình không ngoài mười hai thứ, động niệm mới khởi, mê vốn viên thường, bóng sáng liền hiện, cho nên noãn sinh là ở đầu. Tình ái khởi sau, kế có thai sinh, dị ái khác nhau, kế chia ra thấp sinh, hóa sinh, tâm tướng rồi ren, lấy bỏ nhiều mối. Sau đó thành các thứ có sắc, không sắc, dưới tự giải thích.

2. Giải thích riêng mười hai thứ:

a) Loại động:

Nầy A-nan! Vì thế giới luống dối luân hồi xao động điên đảo, hòa hợp khí thành tám mươi bốn ngàn loạn tướng lên xuống. Bởi vậy nên có noãn yết-la-lam trôi lăn trong cõi nước. Cá chim rùa rắn đều đầy dẫy. Thế giới mới sinh khởi vốn do luống dối, vì luống dối cho nên động, động tức là gió, gió tức là khí. Cho nên nói do khí hòa hợp mà thành. Mê là lý viên thường, thành là tướng luống dối, tướng khí hòa hợp thành noãn sinh. Cho nên động niệm đứng đầu, noãn sinh ở đầu. Do tám mươi bốn ngàn chủng loại này, mà thế gian lập bày lại nêu lên số này, lý thì vô lượng. Yết-la-lam: Hán dịch là ngưng hoạt, là lúc mới vào thai, thai noãn chưa phân, cá chim rùa rắn là loài bay trên không, lội dưới nước.

b) Loại dục:

Vì thế giới lẫn lộn, nhiễm ô luân hồi mà có dục điên đảo. Hòa hợp với ướt thành tám mươi bốn ngàn loạn tướng ngang dọc. Như thế cho nên có thai yết-bồ-đàm trôi lăn trong cõi nước. Loài Người, súc sinh, rồng, tiên v.v... đầy dẫy khắp nơi.

Tạp nhiễm tức là ái, Ái gọi là dục, dục cho nên sinh thắm nhuần mới gọi là Thấp sinh.

Ngang dọc: Người thực hành chánh đạo, thẳng đầu mà đi, trái với chánh là tà, cho nên nói loài sinh ngang. Yết-bồ-đàm, Hán dịch là bào thai noãn phần.

c) Loài thú:

Vì thế giới chấp đắm luân hồi mà có thú hướng điên đảo, hòa hợp với hơi ấm thành tám mươi bốn ngàn loạn tướng che lấp. Bởi vậy nên có tướng thấp, tế thi trôi lăn trong cõi nước, bao gồm bò bay máy cựa, loài này đầy dẫy khắp nơi.

Do chấp đắm cho nên nhất tâm hướng về cảnh, chỗ thấp, ấm tương

ứng với tướng thì liền thọ sinh, nên nói là noãn (ấm).

(Chín trăm hai mươi bốn) Mặc tình loạn tướng: do đây trái với tâm, trái với tín. Phiên phúc: là mặc tình, liền cảm loại sinh, bay đi không nhất định.

Tế thi dịch là thịt mềm. Vì lúc đầu mới thọ thấp sinh, thân còn mềm mại, đã không nhập thai cho nên không có giai vị trước.

d) Loại giả:

Vì thế giới thay đổi, luân hồi mà có giả điên đảo, hòa hợp xúc thành tám mươi bốn ngàn loạn tướng mới cũ.

Thế nên có sắc tướng yết-nam trôi lăn trong cõi nước. Loài biết bay ở đây khắp nơi, thay đổi không thường, mượn mới đổi cũ, chỗ xúc cảnh tương ứng với tướng liền thọ sinh. Loạn tướng mới cũ. Vì không vâng theo nhân nghĩa, chán cũ lấy mới, chỉ vâng theo ý mình thích đây ghét kia, giả mượn không thật, biến thọ thân khác. Lại hóa sinh lúc đầu tính chất gió xúc chạm liền cứng, đã không có thân gốc, do xúc chạm mà lập. Ở đây lấy chuyển thọ thân khác, gọi đó là hóa, nên nói là chuyển đổi.

Yết-nam dịch là thịt cứng.

e) Loại chướng.

Vì thế giới ngăn ngại cho nên có chướng điên đảo, hòa hợp chấp trước thành tám mươi bốn ngàn loạn tướng tinh diệu.

Vì vậy cho nên có sắc tướng yết-nam trôi lăn trong cõi nước, loại tốt xấu đầy khắp; ngăn ngại làm duyên, chướng ngại không quyết định.

Nếu gặp ánh sáng mà mê đắm thì thích thọ sinh ở đây, gọi là sắc tướng yết-nam, trời trăng sao. Kiệt là tốt, hung là xấu. Dưới đến lửa đước v.v... đều là loại này v.v... Những thứ này đều do hữu tình biến sinh, ứng với tốt xấu của thế gian.

f) Loại hoặc:

Do thế giới tiêu tan luân hồi mà mê hoặc điên đảo, hòa hợp tối tăm thành tám mươi bốn ngàn loạn tướng sâu xa, cho nên có yết-nam vô sắc trôi lăn trong cõi nước, hư không tiêu tán, chìm mất đầy đầy. Tiêu tán là duyên, hoặc ám điên đảo, chán tướng hoại sắc, suy nghĩ hư không vô biên, sắc dứt tâm mất, chán tướng hư không bật dứt cho đến có cao thấp, sáng tối, tức là ngoại đạo Vô sắc giới.

j) Loại ảnh:

Do thế giới không có hình tượng luân hồi, bóng dáng điên đảo, hòa hợp với nhớ nghĩ thành tám mươi bốn ngàn loạn tướng thâm kín.

Nên có tướng tướng yết-nam trôi lăn trong cõi nước, thần quỷ, tinh linh đầy khắp, hình bóng luống dối, dường như có dường như không, tin như thì linh, dứt tin thì thôi, loại đạp gót thêm bóng đều từ nhớ tướng sinh ra, nhân là phạm phu ngoại đạo, cầu thần cúng vái, thân còn thì bóng đứng, trọn đời thờ phụng, chí kính mến thần thông, tinh linh gá vào, nhân quả đền đáp nhau, sẽ sinh loại này.

h) Loại si:

Do thế giới ngu độn luân hồi mà có si điên đảo, hòa hợp với ngu ngục thành tám mươi bốn ngàn loạn tướng khô héo như thế, cho nên có vô tướng yết-nam trôi lăn trong cõi nước, tinh thần hóa thành đất, cây, vàng, đá đầy đầy, đọa trong thế gian, ngu si là gốc, đã chẳng biết rõ, ngu độn thành nhau, hoặc là tu định nguội lạnh bất động như tro, nghĩ chuyên khô héo, tâm theo cảnh đối, hóa vật thành thân, dụng không biết chân tu, cho ngu si là chí đạo. Cho đến như kiếp-tỳ-la hóa thành trụ đá ngàn năm, đất cây tinh quái v.v... đều là tâm cầu báo chất, chẳng phải rốt ráo vô tình, báo hết nhập luân hồi, như trời Vô Tướng đọa.

k) Loại ngụy:

Do thế giới đối đãi nhau luân hồi mà có ngụy điên đảo, hòa hợp nhiễm thành tám mươi bốn ngàn nhân nương loạn tướng, cho nên có phi hữu sắc tướng thành sắc yết-nam trôi lăn trong cõi nước, các loài sửa cho tôm là mắt rất nhiều. Do nương giả đối đãi, luống dối không thật, gá uế thành thân, mượn vật dẫn đường. Nhân là hòa hợp gian dối, dối cũ thành mới, hoặc nương nhờ nhân gởi vào thế hình, nhờ thân nuôi mạng. Nghiệp quả nối nhau, như loài sửa lấy bọt nước làm thân, lấy tôm làm mắt, trong thân hữu tình có tám muôn côn trùng đều là loại này, khuấy vật thành thể, nhờ ăn loài khác, không theo tự loại thọ thân, nên gọi là Phi hữu sắc tướng.

l) Loại tánh:

Do tướng thế giới dẫn ra sự điên đảo của tánh luân hồi hòa hợp với chú thành tám mươi bốn ngàn loạn tướng kêu gọi. Do đó có Phi vô sắc tướng, yết-nam vô sắc trôi lăn trong cõi nước, loại chú trở chán sống đầy khắp, dẫn dụ lẫn nhau để thành tánh. Chú trở lại với thêm cho là loại, tuy từ âm thanh cảm nên, mượn chất của tự tánh, như ếch, nhái v.v... lấy âm thanh phụ vào trứng, sau đó nuôi lớn, không phải tiếng thì hoại, nhân liền do ưa đắm cảnh âm thanh, hoặc trái lời thề, van vái cầu sinh, tâm miệng là tai ương, quả báo cảm với những thứ xấu.

m) Loại vu khống:

Vì thế giới hợp vọng luân hồi mà có điên đảo, hòa hợp với cái

khác mà thành tám mươi bốn ngàn loạn tướng. Bởi vậy mà có tướng phi hữu tướng thành tướng yết-nam trôi lăn đầy khắp cõi nước, tướng chất khác thành loại đầy khắp, giao hợp luống dối, tướng vu khống thành tự, lấy khác làm đồng, lấy cái khác làm của mình, vốn là tướng phi tướng, sau giả tướng thành, chính là loại bồ-lô này. Bồ-lô là con tò vò, lấy sâu xanh làm con, chẳng phải do mình sinh ra, suy ra nhân, hoặc là trái với nghĩa, đích thân nhận rõ, bỏ gốc theo ngọn, kế thừa nhầm tông khác, vọng noi tộc khác, ứng nhân quả mà cảm sinh raloại này

n) Loại giết:

Do thế giới oán hại luân hồi mà giết hại điên đảo, hòa hợp quái lạ thành tám mươi bốn ngàn tướng ăn cha mẹ. Cho nên có tướng phi vô tướng, yết-nam vô tướng trôi lăn trong cõi nước. Như con chim đất v.v... gá vào cục đất làm con và chim ôm trái cây độc làm con mình, con thành cha mẹ đều gặp thức ăn này, loại này đầy khắp, oan đối vay trả lẫn nhau, tuần hoàn không dứt, gá vào cha con chí thân, phát sinh sự giết hại do oán hận, chẳng lẽ không quái lạ hay sao?

Lúc mới sinh gá vào chất mà có tướng ái, lẫn nhau cho nên nói tướng phi vô tướng, về sau thành cha mẹ gặp thức ăn này, nên nói là vô tướng. Gò đất, gương vỡ làm thành một khối, ôm cây con con cháu cháu, thành nhau nối nhau. Nghiệp khiến như vậy, chẳng phải tự nhiên.

Hỏi: Đã là oán đối, không có nghĩa cảm sinh, vì sao được gá dùng mà sinh trọng oán có ái?

Đáp: Gá vào chất phải nhờ vào tướng ái, giết hại là nghiệp trước kia, tướng ái vô thường, do nghiệp phát khởi. Ban đầu tuy sinh thương nhưng sau biến thành ghét. Cho nên gặp thức ăn ấy.

Kết danh loại.

Đó gọi là mười hai chủng loại chúng sinh, như trong văn kinh có chép.

